

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1948**/QĐ-BNN-CN

Hà Nội, ngày **23** tháng **8** năm **2011**

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình thực hành chăn nuôi tốt
cho chăn nuôi gà an toàn trong nông hộ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gà an toàn trong nông hộ".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Bộ NN-PTNT;
- Lưu: VT, CN.



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



**QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO
CHĂN NUÔI GÀ AN TOÀN TRONG NÔNG HỘ**

Good Animal Husbandry Practices for Household Based Chicken Production

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2011

Luật bản quyền (Copyright) : ©VietGAHP

VietGAHP được bảo vệ theo Luật bản quyền. Ngoại trừ những điều khoản cho phép được ghi trong Luật bản quyền, cấm in ấn VietGAHP dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Copyright protects this publication. Except for purposes permitted by the Copyright Act, this document is protected and any other reproduction by whatsoever means is prohibited without the prior written permission of the Ministry of Agriculture & Rural Development.



QUY TRÌNH

Thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gà an toàn trong nông hộ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 248/QĐ-BNN-CN ngày 23 tháng 8 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy trình này áp dụng để chăn nuôi gà (gà thịt, gà trứng) trong nông hộ nhằm ngăn ngừa và hạn chế các mối nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến sự an toàn, chất lượng sản phẩm thịt, trứng gà, môi trường, sức khỏe, an toàn lao động và an sinh xã hội cho người nông dân.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy trình này áp dụng đối với các hộ chăn nuôi gà trong vùng dự án LIFSAP tại một số tỉnh, thành ở Việt nam.

2. Giải thích thuật ngữ

Trong quy trình này, một số thuật ngữ được hiểu như sau:

- 2.1. Chăn nuôi gà trong nông hộ: Là hình thức chăn nuôi gà tại hộ gia đình, với số lượng dưới mức kinh tế trang trại, do những người lao động trong gia đình tham gia, chỉ thuê mướn nhân công theo thời vụ.
- 2.2. VietGAHP cho chăn nuôi gà trong nông hộ: Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (Good Animal Husbandry Practice) gọi tắt là VietGAHP cho chăn nuôi gà an toàn tại hộ gia đình là những nguyên tắc, trình tự hướng dẫn nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm thịt lợn, đảm bảo an sinh xã hội, sức khỏe người chăn nuôi và người tiêu dùng; đồng thời bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.
- 2.3. An toàn sinh học trong chăn nuôi: Là hệ thống các biện pháp kỹ thuật và quản lý nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân sinh học gây hại đến con người, vật nuôi và hệ sinh thái môi trường.
- 2.4. Chất thải trong chăn nuôi: Chất thải trong chăn nuôi bao gồm chất thải rắn, chất thải lỏng và khí thải. Chất thải rắn bao gồm phân, chất độn chuồng, gia súc chết, nhau thai, kim tiêm, ống tiêm... Chất thải lỏng là chất nhầy, nước rửa chuồng trại, dụng cụ, phương tiện dùng trong chăn nuôi. Khí thải gồm mùi hôi chuồng trại và các loại khí độc sinh ra trong quá trình chăn nuôi.
- 2.5. Vệ sinh thú y: là các thao tác liên quan đến việc bảo vệ sức khỏe, làm sạch và ngăn ngừa sự nhiễm bệnh và lây lan mầm bệnh ở vật nuôi.
- 2.6. Tiêu độc, khử trùng: Là biện pháp tiêu diệt các tác nhân gây bệnh và loại bỏ các điều kiện thuận lợi cho việc phát triển bệnh tật.

Chương II

NỘI DUNG QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO CHĂN NUÔI GÀ AN TOÀN TRONG NÔNG HỘ

1. Địa điểm

- 1.1. Vị trí xây dựng chuồng nuôi, khu vực chăn nuôi gà phải phù hợp với điều kiện thực tế của từng hộ và cần cách biệt với nơi ở và nguồn nước sinh hoạt của con người.
- 1.2. Phải đảm bảo đủ diện tích cho xây dựng chuồng nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi; đủ nước sạch cung cấp cho gà theo quy định.
- 1.3. Khu chăn nuôi gà phải có tường hoặc hàng rào ngăn cách, có hố sát trùng ở lối ra, vào.
- 1.4. Khu nuôi cách ly, khu xử lý chất thải cần cách biệt với chuồng nuôi chính.

2. Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi

- 2.1. Chuồng trại chăn nuôi gà phải được thiết kế phù hợp điều kiện của gia đình và phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật: nền chuồng phải cao ráo, không trơn trượt, dễ thoát nước, dễ làm vệ sinh; mái chuồng cần đảm bảo thoáng mát, không bị mưa hắt vào chuồng. Tường chuồng nên thiết kế để tránh gió lùa, giữ được ấm vào mùa đông mùa đông nhưng thoáng mát vào mùa hè, có ánh sáng mặt trời chiếu vào để diệt khuẩn và làm khô chất độn chuồng.
- 2.2. Cần có chuồng nuôi riêng cho gà ở các lứa tuổi khác nhau (gà con, gà giò, gà thịt hoặc đẻ trứng).. Diện tích chuồng nuôi phải phù hợp với số lượng, chủng loại và mật độ nuôi nhốt theo quy định. Nên có hố sát trùng ở cửa ra vào của từng chuồng.
- 2.3. Nơi để nguyên liệu và thức ăn phải khô ráo, thoáng mát và không được để chung với xăng dầu, hóa chất sát trùng hoặc các chất độc hại khác.
- 2.4. Cần có nơi để thuốc thú y, thuốc sát trùng và các dụng cụ thú y riêng biệt. Nên có tủ lạnh để bảo quản vắc xin và một số loại kháng sinh có yêu cầu bảo quản lạnh. Thuốc thú y được để trên các giá sạch và sắp xếp sao cho dễ đọc và dễ lấy.
- 2.5. Thiết bị chăn nuôi, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống... phải đầy đủ và hợp vệ sinh. Các dụng cụ chăn nuôi khác (xẻng, xô...) phải đảm bảo dễ vệ sinh, tẩy rửa sau mỗi lần sử dụng.
- 2.6. Thiết bị chiếu sáng, đèn chụp sưởi và các dụng cụ, thiết bị điện khác nên có vật bảo vệ chống vỡ, chống cháy nổ và an toàn cho người sử dụng.
- 2.7. Cần có quần áo, khẩu trang, giày ủng, nơi vệ sinh, khử trùng, thay quần áo cho người ra vào khu vực chăn nuôi. Nên hạn chế khách thăm quan và những người không phận sự ra vào khu vực chăn nuôi gà.

3. Giống và quản lý giống

- 3.1. Gà giống mua về nuôi phải có nguồn gốc từ các cơ sở giống đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép sản xuất và được cơ quan thú y cấp giấy chứng nhận kiểm dịch. Tự sản xuất giống phải ghi chép nguồn gốc.

- 3.2. Con giống phải đảm bảo tiêu chuẩn giống, khỏe mạnh, được chăm sóc, nuôi dưỡng đúng kỹ thuật và được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo qui định của ngành thú y.
- 3.3. Gà mới nhập về phải nuôi cách ly ít nhất 2 tuần để theo dõi. Cần ghi chép đầy đủ các biểu hiện bệnh trong quá trình nuôi cách ly.

4. Thức ăn và quản lý thức ăn

- 4.1. Thức ăn phải đảm bảo chất lượng, không được ôi thiu, ẩm mốc, mối mọt. Thức ăn phải đầy đủ dinh dưỡng cho từng loại gà theo tiêu chuẩn quy định.
- 4.2. Thức ăn công nghiệp phải có nhãn mác rõ ràng, còn hạn sử dụng. Trước khi sử dụng phải kiểm tra chất lượng thức ăn bằng cảm quan về màu sắc, mùi vị và nấm mốc.
- 4.3. Nguyên liệu dùng để phối trộn thức ăn phải đảm bảo chất lượng, cần tuân thủ theo công thức đã khuyến cáo. Bao đựng thức ăn phải sạch và chống ẩm. Thời gian bảo quản: không quá 7 ngày sau khi trộn.
- 4.4. Trong trường hợp phải trộn thuốc vào thức ăn, trước khi trộn, phải kiểm tra đúng chủng loại thuốc (sản phẩm, liều lượng), làm theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất thuốc (lượng thuốc, thời gian ngừng thuốc) và phải ghi chép đầy đủ theo quy định.
- 4.5. Thức ăn phải được bảo quản nơi khô ráo. Cần có các giá gỗ kê thức ăn và nguyên liệu, không đặt trực tiếp bao thức ăn xuống nền nhà. Cần lấy và lưu mẫu thức ăn sau mỗi đợt nhập về hay sau mỗi lần phối trộn để dễ dàng truy xuất nguồn gốc.

5. Nước uống và hệ thống cấp, thoát nước

- 5.1. Nước uống phải đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của từng loại gà; nguồn nước phải đảm bảo chất lượng, hợp vệ sinh theo quy định hiện hành.
- 5.2. Phải kiểm tra thường xuyên hệ thống cấp nước gồm bồn chứa nước, ống dẫn, máng uống, núm uống để đảm bảo hệ thống không bị hở, không rò rỉ, không bị ô nhiễm bởi bụi bặm, chất bẩn...
- 5.3. Nước làm mát mái chuồng, nước rửa chuồng và rửa dụng cụ chăn nuôi có thể sử dụng nước máy, nước giếng khoan, nước giếng khơi; không được sử dụng nước ao bị ô nhiễm hoặc nước thải.
- 5.4. Cần có hệ thống thoát nước thải, nước rửa chuồng riêng, không cho chảy qua các khu vực chăn nuôi và không thải trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

6. Công tác vệ sinh thú y

- 6.1. Phải có hố sát trùng ở cửa ra vào mỗi chuồng. Các hố sát trùng phải được định kỳ thay vôi bột hoặc thuốc sát trùng.
- 6.2. Thực hiện phát quang bụi rậm xung quanh chuồng, khơi cống rãnh, phun thuốc sát trùng để tiêu diệt ruồi, muỗi, côn trùng và ký chủ trung gian gây truyền bệnh khác.

- 6.3. Thực hiện việc sát trùng chuồng trại, các dụng cụ, thiết bị chăn nuôi gà trước khi nuôi; sau mỗi đợt nuôi; khi chuyển đàn. Thời gian để trống chuồng sau mỗi đợt nuôi tối thiểu 7 ngày.
- 6.4. Đối với chuồng nuôi, sau khi khử trùng ít nhất 12 giờ mới rải chất độn chuồng. Sau khi rải chất độn chuồng, cần phun thuốc sát trùng. Phải tuân thủ theo khuyến cáo của nhà sản xuất về liều lượng và thời gian sau khi phun thuốc sát trùng để tránh tồn dư hóa chất cho đàn gà mới nuôi.
- 6.5. Phải tiêm phòng đầy đủ các bệnh bắt buộc theo qui định của ngành thú y. Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh, chủ hộ phải báo cáo ngay với bác sĩ thú y khu vực, chính quyền địa phương và tiến hành tiêu hủy đàn gà bệnh theo sự chỉ đạo của chuyên môn thú y.
- 6.6. Sử dụng kháng sinh điều trị phải đúng liều lượng theo khuyến cáo của nhà sản xuất hoặc chỉ dẫn của bác sĩ thú y. Không sử dụng kháng sinh nằm trong danh mục cấm của Nhà nước và của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định.

7. Xuất bán gia cầm và trứng gia cầm

- 7.1. Đàn gà cần bố trí nuôi theo phương thức "Cùng vào - Cùng ra". Khi xuất bán gà thịt hoặc thay đàn gà đẻ trứng cần xuất hết cả đàn, ô chuồng hoặc dãy chuồng.
- 7.2. Phải tuân thủ đúng quy định về thời gian ngừng sử dụng thuốc trước khi xuất bán để đảm bảo các sản phẩm thịt, trứng gà không tồn dư chất kháng sinh.
- 7.3. Phải cung cấp đầy đủ hồ sơ: nguồn gốc giống, giấy chứng nhận tiêm phòng, tình hình điều trị bệnh của tất cả các loại gà và sản phẩm trứng gà khi xuất bán cho người mua.
- 7.4. Cần sử dụng phương tiện, mật độ thích hợp trong vận chuyển để hạn chế tối đa rủi ro, giảm stress cho gà thịt, tránh giập vỡ cho trứng và rơi vãi chất thải trên đường vận chuyển.
- 7.5. Các hộ trong vùng GAHP phải tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm theo hướng an toàn thực phẩm.

8. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường

- 8.1. Định kỳ dọn phân và chất độn chuồng đưa đến nơi tập trung để xử lý. Sử dụng các chế phẩm sinh học hoặc vôi bột để ủ; hố ủ cần có mái che mưa nắng, có tường bao và nền xi măng hay đất sét nện để bảo đảm nước phân không ngấm xuống đất. Định kỳ phun thuốc tiêu độc khử trùng quanh hố ủ để diệt ruồi muỗi.
- 8.2. Xác gà chết do bệnh hoặc không rõ nguyên nhân cần được thu gom và xử lý theo đúng qui định của thú y. Tuyệt đối không bán gà chết ra ngoài thị trường, và không được thải gà chết ra môi trường xung quanh.
- 8.3. Các chất thải vô cơ: kim tiêm, túi nhựa, đồ nhựa, v.v... được thu thập hàng ngày và mang đến một nơi xử lý riêng.
- 8.4. Chất thải lỏng phải được dẫn trực tiếp từ chuồng nuôi tới hệ thống xử lý nước thải (biogas, bể lắng...) bằng đường thoát riêng. Nước thải sau khi xử lý phải đạt theo tiêu chuẩn quy định hiện hành.
- 8.5. Sử dụng khẩu phần thức ăn cân đối các chất dinh dưỡng, bổ sung các chế phẩm sinh học để giảm mùi hôi từ phân nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

9. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ

9.1. Phải có sổ ghi chép đầy đủ về nhập con giống, trứng giống, sử dụng thức ăn, tình trạng sức khỏe, tiêm phòng, điều trị bệnh và việc xuất bán sản phẩm cho từng lứa riêng biệt.

9.2. Sổ ghi chép gồm các nội dung cụ thể sau:

9.2.1. Theo dõi về mua con giống, gồm:

- Ngày tháng năm
- Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất.
- Giống gà, loại gà (chuyên thịt, chuyên trứng), tuổi (ngày/tháng)
- Số lượng (con), khối lượng (kg/con)
- Giá mua (đồng/kg)
- Các loại vắc xin đã được tiêm phòng, ngày tiêm.

9.2.2. Theo dõi về mua thức ăn hỗn hợp, gồm:

- Ngày tháng năm
- Tên thức ăn hỗn hợp
- Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất.
- Số lượng (bao), khối lượng (kg/bao)
- Giá mua (đồng/kg)
- Tên cửa hàng, đại lý, người bán.

9.2.3. Theo dõi về thức ăn hỗn hợp tự trộn, gồm:

- Ngày tháng năm
- Loại khẩu phần thức ăn (cho gà con, giò, thịt, trứng...).
- Khối lượng (kg/khẩu phần)
- Nguyên liệu chính trong khẩu phần, thuốc kháng sinh đã trộn.
- Giá thành (đồng/kg)
- Tên người trộn.

9.2.4. Theo dõi về sử dụng thức ăn, gồm:

- Ngày tháng năm
- Tên, ký hiệu ô chuồng, số lượng gà/ô (con).
- Loại khẩu phần và lượng thức ăn đã cho ăn trong ngày/ô (kg).
- Tên người ghi chép.

9.2.5. Theo dõi về tiêm phòng và điều trị bệnh cho gà, gồm:

- Ngày tháng năm
- Tên, ký hiệu ô chuồng, số lượng gà/ô (con).

- Loại vắc xin đã tiêm phòng.
- Loại bệnh và tên thuốc điều trị đã sử dụng.
- Kết quả điều trị.
- Không bán thịt, trứng trước ngày, tháng, năm.
- Tên người ghi chép.

9.2.6. Theo dõi về xuất bán gà và trứng gà, gồm:

- Ngày tháng năm
- Tên, ký hiệu ô chuồng.
- Số lượng gà/ô (con); Khối lượng bình quân/con (kg); Giá bán (đồng/kg).
- Số lượng trứng /ô (quả); Giá bán (đồng/quả).
- Giấy tờ kèm theo.
- Tên, địa chỉ người mua.
- Tên người bán.

9.2.7. Hạch toán kinh tế trong chăn nuôi gà an toàn theo GAHP/hộ/năm, gồm:

Tổng thu/năm:

- + Thu từ bán gà thịt (đồng).
- + Thu từ bán trứng gà (đồng).
- + Thu từ bán gà mái đẻ loại thải (đồng).
- + Thu từ bán phân (đồng).

Tổng chi/năm:

- + Chi phí mua con giống (đồng).
- + Chi phí cho thức ăn (đồng).
- + Chi phí cho điện, nước, vật rẻ tiền, mau hỏng (đồng).
- + Chi khấu hao chuồng trại và hệ thống xử lý chất thải (đồng).
- + Chi phí mua hóa chất, chế phẩm sinh học để xử lý chất thải (đồng).
- + Chi phí cho vắc xin tiêm phòng, thuốc thú y và thuốc sát trùng (đồng).
- + Công lao động (đồng).
- + Lãi suất vay vốn ngân hàng (đồng).

$\text{Lãi ròng/hộ/năm (đồng)} = \text{Tổng thu (đồng)} - \text{Tổng chi (đồng)}$

- 9.3. Hệ thống sổ sách ghi chép của chủ hộ phải rõ ràng và cần được lưu giữ ít nhất là 1 năm kể từ ngày đàn gà hoặc trứng gà được xuất bán hay chuyển đi nơi khác.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

**DỰ ÁN CẠNH TRANH NGÀNH CHĂN NUÔI VÀ
AN TOÀN THỰC PHẨM (LIFSAP)**

**SỔ GHI CHÉP
CỦA HỘ CHĂN NUÔI GÀ AN TOÀN
THỰC HIỆN THEO VietGAHP**

Họ tên chủ hộ:

Địa chỉ:

....., tháng năm 2011

CÁC BIỂU MẪU GHI CHÉP

Bảng 1. Ghi chép về mua gà giống

Ngày tháng	Số lượng mua (con)	Cơ sở bán	Giống gà	Các loại vắc xin đã tiêm phòng	Ghi chú

Bảng 2. Ghi chép về mua thức ăn

Ngày	Tên thức ăn	Số lượng (kg)	Đơn giá (đồng/kg)	Tên cửa hàng, đại lý bán và địa chỉ

Bảng 3. Ghi chép về trộn thức ăn

Ngày	Loại khẩu phần	Số lượng/lần trộn (kg)	Người trộn	Trộn thuốc kháng sinh hoặc chất bổ sung	
				Có/ Không	Tên thuốc/chất bổ sung

✓

Bảng 4. Ghi chép sử dụng thức ăn và theo dõi sức khỏe đàn gà

Ngày tháng năm	Ký hiệu ô chuồng; Số lượng gà/ô (con)	Số lượng thức ăn đã cung cấp (kg)	Tình trạng sức khỏe đàn gà	Số lượng loại thái, chết (con)	Ghi chú

Bảng 5. Ghi chép tình hình tiêm phòng vắc xin và điều trị bệnh cho gà.

Ngày tháng năm	Số hiệu ô chuồng	Tên vắc xin, thuốc thú y	Lý do dùng	Liều lượng, cách dùng	Khối lượng gà khi điều trị	Người tiêm vắc xin, điều trị	Kết quả điều trị	Thời gian ngưng thuốc	Không bán trứng, gà thịt trước ngày

Bảng 6. Ghép xuất bán gà thịt và trứng gà

Ngày tháng năm	Loại sản phẩm	Số lượng gà thịt (con)	Tổng khối lượng gà thịt bán ra (kg)	Số lượng trứng gà (quả)	Tên người mua, địa chỉ	Tên người bán	Ghi chú

9